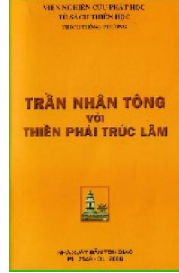
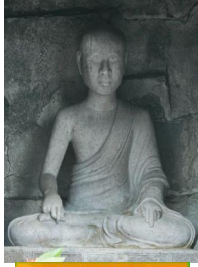


# TRẦN NHÂN TÔNG VỚI THIỀN PHÁI TRÚC LÂM



TT.Thích Thông Phương  
Nhà Xuất Bản Tôn Giáo - Hà Nội 2006

---o0o---

**Nguồn**

***<http://thuvienhoasen.org>***

***Chuyển sang ebook 5-8-2009***

***Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)***

***[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)***

## Mục Lục

- I. Ông Vua có tâm phật
  - II. Con đường xuất thế
  - III. Tu hành ở Yên Tử
  - IV. Phát minh trí tuệ vô sư
  - VI. Dòng truyền Yên Tử
  - VII. Chứng ngộ Thiền lý, làm chủ sinh tử
  - VIII. Tóm Kết
- TÂM THIỀN CỦA SƠ TỔ TRÚC LÂM**
- I. THIỀN LÀ TÊN KHÁC CỦA TÂM
  - II. ĐỐI DIỆN HIỆN TIỀN
  - III. TÂM THÔNG LÀ ĐỐI ĐÃI
  - IV. TÓM KẾT

---o0o---

## I. Ông Vua có tâm phật

Nghiên cứu đạo Phật Việt Nam chúng ta thấy rất rõ, thời Trần nổi bật những ông vua Phật tử đáng kính. Vua Trần Thái Tông, nhìn với cặp mắt nhà Thiền có thể nói Ngài là một ông Vua Thiền sư. Tuy ngồi trên Ngai Vàng nhưng Ngài hiểu thiền rất sâu, tâm thiền rất sáng và sống thiền rất đặc lực. Qua tác phẩm Khoá Hư Lục và giây phút rời bỏ cuộc đời của Ngài đã nêu rõ điều đó

Vua Trần Thánh Tông cũng Thế, Thánh Đăng Lục ghi rõ cho thấy, sức sống thiền của Ngài thật là vững vàng, đến mé bờ sinh tử vẫn có sức tự chủ và sáng suốt mà một vị xuất gia bình thường khó theo kịp.

Riêng vua Trần Nhân Tông, quả là một ông vua Phật của Việt Nam đúng với sự tôn xưng từ trước tới nay. Ngài có duyên sâu với Phật từ thuở nhỏ.

Sinh ra, thân sắc vàng như sắc Phật . Lớn lên năm 16 tuổi, được vua cha lập làm Hoàng thái tử, Ngài hai lần cố xin nhường lại cho em là Đức Việp, nhưng vua Thánh Tông không cho, vì thấy Ngài có khả năng gánh vác việc lớn. Trong khi đó, lịch sử lại biết bao trang sử đau lòng, chỉ vì ngôi vị mà cốt nhục tương tàn. Hạt giống Phật đã ngầm chứa sẵn trong Ngài mà biểu lộ ra như thế.

Rồi một hôm. Ngài lại vượt thành tìm về Yên Tử tu hành . Điều này đâu có ai dạy Ngài. Nếu không vì chúng Phật tử ngầm chứa trong Ngài nó thúc đẩy, thì cái gì khiến làm Ngài như thế? Với cái nhìn của nhà Phật, đều có nhân duyên chứ không phải ngẫu nhiên. Việc này lại trùng hợp với đức Phật, khi làm Thái Tử Tất Đạt Đa cũng đã vượt thành xuất gia tìm đạo. Song với vua Trần Nhân Tông, lúc ấy Vua cha cho người tìm gọi về, Ngài đành phải về. Thiền sư Chân Nguyên đã thuật lại trong Thiền Tông Bản Hạnh:

Đêm ấy thái tử thoát ra du hành  
Tìm về Yên Tử một mình,  
Đến Đông Cứu sơn, thiên minh rạng ngày.  
Giả tướng lệ người thế hay,  
Vào nằm trong tháp một dây đồ dùm  
Tặng tự thấy tướng lạ lùng  
Làm bữa cơm thiết cúng dâng cho ăn  
Hoàng Hậu liền tâu Minh Quân  
Rao bảo thiên hạ quần thần Đông Tây  
Tìm tòi Thái tử chớ chầy

Bắt em thay trị liền tay tức thì...  
Thuở ấy Thái Tử lại về,  
Vua cha nhượng vì cho trị vạn dân

Rồi tuy ở địa vị cao sang, quyền quý mà ăn chay, sống đạm bạc không thụ hưởng đến nỗi thân ốm gầy, vua cha lại phải gọi lại than:” Nay ta đã già, chỉ trông cậy một mình con, con lại làm như thế, làm sao gánh vác sự nghiệp của Tổ Tiên?”

Một duyên lành với Ngài nữa là, được vua cha cho theo học với Thượng Sĩ Tuệ Trung, một bậc Thiền Sư Cư Sĩ phi thường. Nhân đây Ngài hiểu sâu về thiền. Trong lời tựa sách Tuệ Trung Ngữ Lục, Ngài có thuật lại đoạn hỏi đáp với Thượng Sĩ, Ngài hỏi:”Thế nào là tông chỉ của việc bồn phận?”. Thượng Sĩ đáp:”Soi sáng lại chính mình đó là việc bồn phận, chẳng từ nơi nào khác mà được”.

Ngài được sâu ý chỉ này. Có thể nói, một câu đáp này thâm tóm trọn cốt tủy của Thiền và gồm suốt giáo lý một đời của đức Phật. Chư Phật, chư Tổ nói Phật đều vì con người, người nghe pháp phải vượt qua ngôn ngữ văn tự chết mà soi sáng lại nơi mình, chuyển những lời kinh khô khan đó vào cuộc sống hiện thực đây, đó mới là Phật pháp sống. Bởi vậy, thiền tông chủ trương “Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự”, khiến người không chết chìm trong đám rừng chữ nghĩa vô tri ấy. Vua Trần Nhân Tông đã được Thượng sĩ khơi đúng mạch nguồn Phật pháp đó, và Ngài tiếp nhận đúng lúc, lấy đó làm cửa mở vào Thiền.

---o0o---

## II. Con đường xuất thế

Sau hai lần lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh thắng giặc Mông, năm 1293 Ngài nhường Ngôi cho Anh Tông, lên làm Thái Thượng Hoàng và chuẩn bị con đường xuất thế cho mình. Bước đầu Ngài ở Vũ Lâm như Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi lại:”Bấy giờ Thượng hoàng ngự đi Vũ Lâm dạo chơi hang đá. Cửa núi đá hẹp, Thượng hoàng đi chiếc thuyền nhỏ, Thái Hậu Tuyên Từ ở đằng đuôi thuyền, gọi Văn Túc Vương lên đằng mũi thuyền. Chỉ cho một phu chèo thuyền mà thôi. Kịp đến khi Thượng hoàng xuất gia, khi Thượng hoàng sắp ra đi, bèn mời Đạo Tải vào điện Dưỡng Đức, cung Thánh Từ ban cho ngồi ăn đồ biển, làm thơ rằng:

Chân rùa bóc đỏ mọng,  
Yên ngựa nướng vàng thơm.  
Sơn Tăng giữ giới sạch,  
Cùng ngồi chẳng cùng ăn.

(Hồng thấp bác quy cước,  
Hoàng hương chá mã yên.  
Sơn Tăng trì tịnh giới,  
Đồng toạ bất đồng san).

(Trích Toàn Tập Trần Nhân Tông)

Lúc này vua đã ăn chay, giữ tịnh giới, chuẩn bị cho bước xuất gia xấp tới.

Đến tháng 7 năm 1299, Ngài cho xây dựng một am thiền trên núi Yên Tử gọi là Ngự Dược Am, và theo Thánh Đấng Lục thì qua tháng 10 năm ấy vua mới thực sự lên núi Yên Tử xuất gia tu hành, sáng lập dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Thiền Tông Bản Hạnh ghi:

“Kỷ Hối Nhân Tông ra ngoài,  
Quyết lên Yên Tử tu chùa Hoa Yên.  
Quần thần nghĩa sĩ dưới trên,  
Đưa vua tu đạo thoát duyên phàm trần.  
Đến chùa Long Động mới phân,  
Tất trừ phiền não ái ân phát nguyện.  
Nhân Tông khẩn khẩn lòng tin,  
Thành tâm trai giới bước lên chiền già.  
Cung tần thể nữ trở ra,  
Người về phối thất, kẻ ra Kinh kỳ.  
Mai ai ra chợ về quê,  
Canh nông buôn bán làm chi mặc lòng”.

Tức là lúc này quần thần, quyền thuộc tiễn đưa Nhân Tông vào núi Yên Tử xuất gia tu hành, đến chùa Long Động mới chia tay. Với cung nữ, Ngài cho tự do về quê lập gia đình hoặc làm gì tùy ý, dứt khoát buông xả hết không coi là của mình. Đây mới thật sự cắt đứt ái ân, xuất gia hành đạo. Do đó có câu chuyện suối Giải Oan và làng Nàng làng Mụ.

Rày trăm đầu Phật xuất gia,  
Trăm đường rũ hết lòng hoà tiếc chi.  
Chị hầu, bà mụ, cung phi,

Mộ đạo chẳng về cảm đức ở đây.  
Lòng vua thấy vậy thương thay,  
Phán rằng cho ở một nơi tâm tuyền.  
Cho nên tích để lưu truyền.  
Làng Nàng làng Mụ, phúc duyên đã chầy”.

(Thiền Tông Bản Hạnh)

---o0o---

### III. Tu hành ở Yên Tử

Vào Yên Tử Ngài quyết tâm sống đời xuất gia giải thoát, từ bỏ những hưởng thụ của thế gian, thực hành 12 hạnh Đầu-đà, tức sống khổ hạnh, đạm bạc, lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu-đà, sau đổi là Trúc Lâm Đầu-đà. Tên Trúc Lâm này cũng là hiệu của Quốc Sư Trúc Lâm –viên chứng, một bậc Thiền Tổ của Yên Tử đã khai thị cho vua Trần Thái Tông”Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Tâm ta lặng mà biết đó chính là tâm Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được tâm ấy thì tức khắc thành Phật ngay tại chỗ, không cần đi tìm cực khổ ở bên ngoài”.

( Lời tựa Thiền Tông Chỉ Nam).

Một ông vua anh minh, tiếng tăm vang dội, lại sống cuộc đời đạm bạc đến mức tối đa nơi rừng núi, thì phải biết lòng mộ đạo của Ngài rất chân thành. Trong đài Đắc Thú Lâm Tuyên Thành Đạo Ca, một bản văn bằng chữ Nôm, Ngài đã bộc lộ:

Công danh chẳng trọng  
Phú quý chẳng màng.  
Tân Hán xưa kia,  
Xem đà nhàn hạ.  
Kiếm chôn dưỡng thân.  
Khuất tịnh non cao,  
Nấu mình sơn dã  
Vượn mừng hủ hỷ  
Làm bạn cùng ta.  
Vắng vẻ ngàn kia  
Thân lòng hỷ xả.  
Rồi  
Dốc chí tu hành,

Giấy sồi vó vá  
Và  
Thân này chẳng quản,  
Bữa đói bữa no.

Ngài sẵn sàng từ bỏ công danh phú quý, sống ẩn mình nơi vắng vẻ, buông bỏ tính chấp nơi thân tâm, ăn mặc đơn sơ, đói no chẳng quản, tức quên Ngã mà hành đạo. Do đó mới có được cái vui đến chỗ thành đạo, chứng ngộ thật sự, nếm được pháp vị rõ ràng, không phải chỉ tu trên hình thức, hoặc kiến giải suông trên chữ nghĩa, lý luận. Quả là một HÀNH GIẢ đúng nghĩa!

Niềm lòng vắng vặc  
Giác tính quang quang  
Chẳng còn bí thứ  
Tranh nhân chấp ngã.

---o0o---

#### **IV. Phát minh trí tuệ vô sự**

Chính bằng công phu chân thật hành Thiên, Ngài đã thể chấp nhận Thiên, mở sáng “trí tuệ vô sự”, thế gian khó bì kịp. Trong bài Xuân Vãn, Ngài đã bày tỏ:

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,  
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.  
Như kim khám phá Đông Hoàng điện,  
Thiên bản bồ đoàn khán truy hồng.

Thuở bé đâu từng rõ sắc không,  
Xuân về rộn rã nức trong lòng.  
Chúa xuân nay bị ta khám phá,  
Ngồi lặng nhìn xem rụng cánh hồng.

Lúc chưa hiểu đạo, còn bị ngoại cảnh chi phối, nên mỗi độ xuân về lòng Ngài cũng bị động theo cảnh xuân, không làm chủ được. Nhưng bây giờ, Ngài đã nhận ra chúa xuân tức là ông chủ chân thật muôn đời, hay nói theo nhà Thiên là “Bộ mặt thật xưa nay” của chính mình, là con người bất sinh bất diệt từ vô thủy. Giờ đây ngài có thể giải đáp chính xác cho câu hỏi: “Cái gì là ta?”, không còn nghi ngờ, cuộc sống bây giờ mới thật sự có chủ. Điều

này chứng tỏ Ngài xuất gia là thực tu, thực ngộ, xứng đáng là bậc Thiên Nhân Sư, thầy của trời người.

## **V. Sáng lập thiền phái Trúc Lâm**

Bằng sự chứng ngộ Thiền lý sâu xa, Ngài dùng ánh sáng chân thật đó, dung hợp ba dòng thiền đã có trước đó thành dòng Thiền Trúc Lâm, mở ra phong trào học Phật mới.

Lấy tông chỉ Thiền Tông “Giáo Ngoại Biệt Truyền, Bất Lập Văn Tự, Trục Chỉ Nhân Tâm, Kiến Tánh Thành Phật” làm chủ đạo, ngài linh động kết hợp giảng kinh thuyết pháp, giúp cho người học Phật hiểu sâu kinh điển, chuyển những lời kinh chết trong sách vở thành những bài kinh sống nơi người, chứng minh cho Tâm Thiền sáng ngời không có gì sai khác. Kinh đâu có lỗi gì? Lỗi do người chấp kinh. Thiền đâu có gì sai khác? Sai là do người phân biệt. Kinh từ miệng Phật nói, Thiền là Tâm Phật vốn chẳng phải là hai! Chính tinh thần đó, các thiền viện của hệ Trúc Lâm do Hoà Thượng Thiền sư Thầy chúng tôi đang hướng dẫn, vẫn đang áp dụng.

Bởi người tu thiền đã sáng tâm thì đọc kinh sẽ hiểu ý nghĩa sâu xa ngoài câu lời, do đó càng giảng linh động sáng tạo, giúp người nghe sẽ dễ thâm nhập hơn. Bởi vậy, Thiền Sư Pháp Loa giảng nhiều lần kinh Hoa Nghiêm, bộ kinh thuộc giáo lý viên đốn cao siêu, mà người đến nghe rất đông, cũng nói lên trình độ của người học Phật thời đó rất cao. Như pháp hội giảng kinh năm 1322 tại chùa Bảo Ân có trên 1000 người đi nghe. Buổi giảng nào ít người cũng có khoảng năm, sáu trăm người.

Xét kỹ, tông chỉ Thiền tông rất thực tế và gần gũi với con người, lấy “Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”, nhằm đánh thức mỗi người tự sống vươn lên. Vì tâm mình mà không biết, vậy lo biết cái gì ở đâu xa? Thành Phật là thành ngay trong tâm tánh mình đây thôi, không phải thành ở trên núi cao, trên cõi trời xa xôi, chỉ cần mình xoay lại chính mình, thì ngay đó là bờ mé.”Hồi đầu thị ngạn”. Đó là lấy con người làm gốc, là tôn trọng người, nâng cao giá trị con người, cũng là lý bình đẳng với tất cả, vậy sao không khai thác?

Đúng là thiền tông chỉ thẳng”Ngay trong đây, lúc này, người này thôi”, rất hiện thực không có gì xa xôi, mập mờ hẹn lại kiếp nào khác. Như lời khai thị của Trúc Lâm Điều Ngự trong buổi đại tham ngày 9 tháng giêng nhuận năm Bính Ngọ 1306 tại liêu Kỳ Lân:”Ngày tháng dễ trôi qua, mạng người không chờ đợi, sao cam ăn cháo, ăn cơm mà không rõ việc bát, việc muông”.

Nghĩa là mình sống hàng ngày cầm muống, cầm thìa ăn cơm ăn cháo nhưng tại sao không biết cái gì đang hiện hữu trong đó? Chỉ lo nhớ bát, đĩa, cơm cháo mà quên mất nguồn sống phát ra từ những việc đó! Thiên tông nhắc nhở đánh thức người mê khiến tỉnh ngộ trở lại chỗ này! Chính đó là mạch sống của Phật pháp. Cho nên dù trải qua bao cuộc thăng trầm, lịch sử nhưng ý thiên vẫn không mất, vì còn có con người, còn có tâm thì còn có Thiên! Kinh sách, ngữ lục có thể đốt cháy hư hoại, nhưng cái này làm sao đốt cháy hư hoại? Làm sao hoại? Đây cũng chính là linh hồn của Yên Tử vậy. Bằng chứng là những tác phẩm tinh yếu về Thiên của Trúc Lâm Điều Ngự như: Thiên Lâm Thiết Chuý Ngũ Lục, Thạch Thất My Ngũ ngày nay không còn, song tinh thần Thiên của Ngài vẫn còn đây, sức sống này vẫn trỗi dậy!

“Yên Tử Non cao, Chư Tô Môi Đền Truyền Tâm Ấn.  
Trúc Lâm Rừng Vắng, Điều Ngự Nuôi Đuốc Lập Tông Phong”.

---o0o---

## **VI. Dòng truyền Yên Tử**

1. Đối với thiên phái Trúc Lâm, thì Trúc Lâm Điều Ngự- Trần Nhân Tông là đệ nhất Tổ, nhưng tính theo hệ thống truyền thừa của Yên Tử phái kể từ Thiên sư Hiện Quang là Tổ ban đầu. Sư là người khai sơn chùa Vân Yên như ngày nay. Vốn là đệ tử của Thiên sư Thường Chiếu, dòng Vô Ngôn Thông, nhưng tỏ ngộ nơi Thiên sư Trí Thông chùa Thánh Quả.
2. Thiên sư Viên Chứng, cũng gọi là Quốc Sư Trúc Lâm, người đã từng đón tiếp vua Trần Thái Tông tìm lên Yên Tử năm 1236.
3. Quốc sư Đại Đăng, người đã tiếp nhận thêm dòng thiền Lâm Tế từ Thiên sư Thiên Phong người Trung Hoa tại kinh đô Thăng Long và là thầy của vua Trần Thánh Tông.
4. Thiên sư Tiêu Dao, là Thầy của Thượng Sĩ Tuệ Trung, cũng gọi là Đại Sư Phúc Đường, vì sư ở Tinh xá Phúc Đường mà Thượng sĩ Tuệ Trung có bài thơ tựa “Thượng Phúc Đường Tiêu Dao Thiên Sư”.
5. Thiên sư Huệ Tuệ, theo Việt Nam Phật giáo Sử Luận của Nguyễn Lang cho là sư vốn làm Hoà thượng Đường đầu truyền giới pháp cho vua Trần Nhân Tông khi vua xuất gia.



6. Trúc Lâm Đại Đầu đà-Trần Nhân Tông, theo hệ thống truyền thừa của Yên Tử, Ngài thuộc hành thứ sáu, nhưng là người khai sáng ra dòng Thiền Trúc Lâm của Đại Việt nên là Sơ Tổ.

Theo sách Đại Nam Thiên Uyển Truyền Đăng Tập Lục của Hòa thượng Phúc Điền, hệ thống truyền thừa của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được tiếp nối qua các vị sau:

7. Tổ sư Pháp Loa.
8. Tổ sư Huyền Quang.
9. Quốc Sư An Tâm
10. Quốc Sư Phù Vân ( Hiệu Tĩnh Lự)
11. Quốc sư Vô Trước.
12. Quốc sư Quốc Nhất.
13. Tổ sư Viên Minh.
14. Tổ sư Đạo Huệ.
15. Tổ sư Viên Ngộ.
16. Quốc sư Tổng Trì.
17. Quốc sư Khuê Thám.
18. Quốc sư Sơn Đăng
19. Đại sư Hương Sơn.
20. Quốc sư Trí Dung.
21. Tổ sư Tuệ Quang.
22. Tổ sư Chân Trú.
23. Đại sư Vô Phiền.

Danh sách này được Thiền sư Tuệ Nhãn lược dẫn trong phần đầu của bia ký tháp Giao Quang thờ Thiền sư Tĩnh Đường hiệu Tuệ Cự ngay bên phải cổng chùa Lâm-Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử:”Núi Yên Tử Sơ Tổ Hiện Quang đến Trúc Lâm Viên Chứng trải qua tới Trần Triều Tam Tổ, lần lượt tiếp nối nhau, danh chép truyền đăng phần nhiều khó nêu ra hết. Trong lý ẩn hiện đến Tổ Sư Tuệ Quang trung hưng rộng lớn, Phật pháp thịnh hành, danh lam thắng cảnh, Tuệ Nguyệt sáng mãi, Tuệ Đăng chiếu khắp cho đến Tuệ Cự...”

Trong đây ghi rõ Thiền sư Hiện Quang là Sơ Tổ của Yên Tử, Quốc sư Trúc Lâm hiệu Viên Chứng rõ ràng, Tổ sư Tuệ Quang trung hưng Yên Tử, Thiền sư Tuệ Nguyệt thầy của Thiền sư Chân Nguyên tiếp sáng luôn và Thiền sư Tuệ Đăng tức Ngài Chân Nguyên hiện còn tháp đá tôn thờ ở sau nhà tổ của Thiền viện đã làm cho dòng Thiền chiếu khắp.

Cứ theo danh sách này, sau Tổ Sư Huyền Quang có tới tám vị Quốc Sư, thì biết rằng dòng Thiền Trúc Lâm, ngoài Tam Tổ Huyền Quang, theo bia tháp Viên Thông thờ Tổ sư Pháp Loa ở Thanh Mai, phần cuối có kể ra hai vị tiếp nối đời thứ ba là Tông Huyền và Kim Sơn, nguyên văn:”Trúc Lâm Đệ Tam Đại Tự Pháp Trụ Trì Tông Huyền, Kim Sơn tâu tuyên”.

Tuy nhiên danh sách tên tuổi là phần biểu hiện bên ngoài, chính “tâm Thiền” là mạch sống thật. Dù ẩn, dù hiện, dù thăng, dù trầm, hễ có người tỏ sáng được tâm Thiền, là còn tiếp nối được mạch sống Tổ Tông.

---o0o---

## VII. Chứng ngộ Thiền lý, làm chủ sinh tử

Đối với đạo Phật nói chung, và Thiền Tông nói riêng, luôn nhấn mạnh phải hiểu và hành tương ứng, nên có câu:”Hạnh giải tương ứng danh vi viết Tổ”. Vậy “Tổ” không phải ở cái tên, ở danh xưng, mà phải thực sự tỏ hiểu và chứng nghiệm chân Thiền ngay nội tâm mình. Đệ nhất Tổ Trúc Lâm Đại Đầu Đà đã hội đủ hai điều đó. Về trí tuệ tỏ hiểu Thiền tông của Ngài rất sâu, Như đoạn tăng hỏi:

- Khi muốn dậm mưa tạnh thì thế nào?

Ngài đáp:

- Mưa tầm tã.

Hỏi:

- Khi muốn dậm mây che kín thì thế nào?

Đáp:

- Trăng vắng vặc.

Đã là “Muôn dậm mưa tạnh” tức trời trong không vết mây che thì sao ông còn động niệm khởi hỏi? Đó tức là mưa tầm tã rồi chứ gì. Còn “Muôn dậm mây che kín”, thì sao ông còn có thể biết hỏi được vậy? Vậy là nó vẫn sáng tỏ rõ ràng, ông lại chẳng ngộ! Nên Ngài đáp:”Trăng vắng vặc”, Đây là Ngài ứng dụng theo tinh thần Lục Tổ dạy về 36 phép đối rất là tuyệt diệu. Lục tổ dạy:”Nếu có người hỏi nghĩa với ông, hỏi có thì đem Không đáp, Hỏi không

thì đem có đáp, Hỏi phàm thì đem Thánh đáp, hỏi Thánh thì đem Phàm đáp, hai đường làm nhân cho nhau, sánh nghĩa trung đạo”. Thì ở đây hỏi mưa tạnh, Ngài đáp “Mưa tầm tã”; hỏi mây che kín, Ngài đáp “Trăng vắng vặc”, nếu không phải là bậc đã sáng tâm khó nói được quá khéo như vậy. Chính hiện nay nhiều người nghiên cứu về Ngài cũng chưa hiểu hết được Ngài, đôi khi lại hiểu theo thức tình suy tư của mình thành nghiêng lệch. Bởi đối với nhà Thiền:”Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai” và “Ông vừa cúi đầu trầm ngâm là đã đi xa ngoài ba ngàn dặm rồi”. Sử Thiền sư Pháp Loa kể lại, một hôm sư trình cả ba bài tụng cho Điều Ngự, đều bị Ngài gạt bỏ hết. Sư thưa thỉnh mấy phen, Điều Ngự dạy phải tự tham. Sư vào phòng đầu óc nặng trĩu, thức đến quá nửa đêm, trông thấy bóng đèn tàn rưng xuống, chợt đại ngộ. Đến đây đem trình Điều Ngự mới được ấn chứng.

Chúng ta nên nhớ, trước đó sư đã qua hai lần tỏ sáng: một lần là nhân đọc kinh Hải Nhãn (có thể kinh Lăng Nghiêm) đến bảy chỗ hỏi tâm và đoạn thí dụ khách trần mà có tỉnh; lần khác, lúc Điều Ngự thượng đường, Sư ra thưa hỏi liền được tỉnh. Vậy mà đến lúc trình kệ này vẫn chưa được ấn chứng. Vì có ý làm kệ trình ra kiến giải thế này thế nọ, cũng là cái vay mượn từ bên ngoài, chưa phải của báu nhà mình. Cho nên Điều Ngự phải quay lại tự tham cứu, đến khi thấy bóng đèn tàn rưng mới chợt đại ngộ, không quá ý thức suy nghĩ. Cũng cho thấy, trí tuệ của Điều Ngự là siêu việt như thế nào, và cách huấn luyện để tìm người thừa kế thừa của Ngài quả là rất kỹ. Đúng như lời Cổ Đức nói :”Nguồn sâu thì dòng dài”, do đó mà mạch sống ấy đến ngày nay vẫn truyền bất tuyệt.

Rồi đến khi sắp tịch, tức đến lúc cận kề bờ sinh tử, càng cho thấy sức sống thiền nơi Ngài quá vững chãi:

“Giữa đêm mùng một tháng 11 năm 1308, Ngài Hỏi Bảo Sát:

-Hiện giờ là giờ gì?

Bảo Sát bạch:

-Giờ Tý.

Ngài lấy tay vén màn cửa sổ nhìn xem nói:

-Đến giờ ta đi.

Bảo Sát hỏi:

-Tôn đức đi đâu?

Ngài nói kệ đáp:

Tất cả pháp chẳng sinh  
Tất cả pháp chẳng diệt  
Nếu hay hiểu như thế  
Chư Phật thường hiện tiền  
Nào có đến đi gì.

(Nhất thiết pháp bất sinh  
Nhất thiết pháp bất diệt  
Nhược năng như thị giải  
Chư Phật thường hiện tiền,  
Hà khứ lai chi hữu dã).

Bảo Sát hỏi:

-Chỉ như khi chẳng sinh chẳng diệt là thế nào?

Ngài liền nhắm ngay miệng Bảo Sát tát cho một cái bảo:

-Chớ nói mớ.

Nói xong, Ngài nằm nghiêng bên phải như sư tử, lặng lẽ mà tịch”.

Như vậy, với Ngài không thấy có chết, có sống, sống chết chỉ là cái hình giả tạm này thôi, còn chính Ngài chưa từng có sống chết, đến đi. Chỗ này con mắt phàm tình thế gian làm sao thấy được, hiểu được? Nếu Ngài không có thực tu, thực chứng, thực hành công phu sâu thì khó được như vậy.

Lại nguyên là một vị hoàng đế tiếng tăm vang lừng như thế, mà khi tịch sẵn sàng tịch nơi vắng vẻ với vị thị giả bên cạnh với lời di chúc hỏa thiêu ngay, không cần đến làm lễ to cho nổi tiếng, không vì danh. Tuy nhiên nhân quả vẫn theo nhau, khi vua Anh Tông thỉnh xá lợi về kinh “ lúc làm lễ sắp đưa linh cửu về chôn ở lăng Quy Đức, giờ đã đến mà quan liêu, dân chúng đứng chật khắp cung điện. Tể tướng cầm roi xua đuổi, rốt cuộc không thể mở đường. Vua cho gọi Chi hầu chánh chưởng Trịnh Trọng Tử đến bảo:

-Linh cữu sắp đưa đi mà dân chúng đầy nghẽn như thế thì làm thế nào? Trọng Tử lập tức đến đền Thiên Trì gọi quân Hải Khẩu và Hồ Dục ( quân của Trọng Tử trông coi) đến ngồi la liệt trong thềm, sai hát mấy câu Khúc Long Ngâm. Mọi người ngạc nhiên kéo nhau đến xem, cung điện mới giãn người, bèn rước về lăng Quy Đức”. ( Trích Toàn Tập Trần Nhân Tông).

Cho thấy lòng người quá mến mộ Ngài. Quả lành không cầu mà tự đến!

---o0o---

## VIII. Tóm Kết

Trúc Lâm Điều Ngự - Trần Nhân Tông, một con người quá nổi bật ở nhiều mặt, một nhân cách quá sáng ngời: Nói về mặt lãnh đạo, là một nhà lãnh đạo tài ba; về chính trị là một nhà chính trị xuất chúng; về văn hoá là nhà văn hoá lớn; về tôn giáo, là nhà tôn giáo tuyệt vời...Do đó, để nhận định về Ngài, chúng ta khó có thể nhận định toàn vẹn được, nếu đứng trên một chủ kiến, một khía cạnh. Và hơn thế nữa, Ngài lại là hành giả trong pháp xuất thế, một bậc Tổ sư của nhà thiền thì càng không thể lấy theo ý thức tư duy bình thường mà hiểu được Ngài, phải là người trong cuộc với nhau mới hiểu thấu được nhau, như kinh Pháp Hoa nói:”Chỉ Phật mới biết”.

Yên Tử được gắn liền với tên tuổi của Ngài, với dòng Thiền do Ngài mở lối, là một đại nhân duyên không phải tầm thường cần được tôn trọng và phải tôn trọng.

Phật giáo nói chung, còn đường Thiền nói riêng, là con đường luôn sáng tạo, phù hợp với tinh thần phát triển ở các thời đại. Câu nói nổi tiếng trong nhà Thiền là “ Thấy bằng thầy là kém Thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham nhận truyền trao”, không cho đứng dừng một chỗ hay chặn đứng bước tiến của người.

Tóm lại, Trúc Lâm Điều Ngự - Trần Nhân Tông là bậc tôn kính đối với tất cả con cháu chúng ta, và tinh thần của Ngài còn được phát huy đúng mức, nhắc nhở cho con em chúng ta và con cháu mai sau phải luôn nhớ cội nguồn, phải biết trân quý, giữ gìn gia sản quý báu của tổ tiên, chính đó là nền tảng xây dựng đất nước vững bền.

---o0o---

# TÂM THIỀN CỦA SƠ TỔ TRÚC LÂM

## I. THIỀN LÀ TÊN KHÁC CỦA TÂM

Thiền là nơi ở tâm không có trong kinh điển, sách vở, ngôn ngữ, chữ nghĩa vô tri. Người tu thiền là cốt sáng tâm, cúng chính tâm mới ngộ được Thiền, ngoài tâm mà tìm thiền không thể có chân thật. Do đó chư vị tổ sư Thiền Tông đều là những vị sáng tâm, chưa sáng tâm thì chưa vào được cửa Tổ.

Tổ Tỳ Na Đa Lưu Chi, vị tổ đầu tiên mang Thiền tông vào đất Việt, ngài đã phó chúc cho đệ tử đặc pháp là Pháp Hiền tại chùa Pháp Vân :”Tâm ấn của chư Phật không có lừa dối, tròn đồng thái hư, không thiếu, không dư không đi, không lại, không được không mất, chẳng một chẳng khác, chẳng thường chẳng đoạn; vốn không có chỗ sanh, cũng không có chỗ diệt, cũng chẳng lìa mà chẳng phải xa lìa, vì đối với vọng duyên mà giả lập tên ấy thôi. Bởi thế, chư Phật trong ba đời cũng như thế, nhiều đời tổ sư cũng do như thế mà được, người cũng do như thế mà được, cho đến hữu tình, vô tình cũng do như thế mà được”.

Ngài xác định rõ ràng, tâm ấn của Chư Phật không nằm ở cái tên giả lập đó, ba đời chư Phật, nhiều đời Tổ sư cũng chỉ một tâm này, ta cũng vậy, ông cũng vậy, cho đến tất cả mọi loài đều không ngoài tâm ấy.

Dòng Thiền Trúc Tâm ra đời tại Yên Tử, Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông làm Sơ Tổ, cũng ngộ được tâm thiền ấy mà truyền lại cho đời. Ngài lập dòng thiền này, không phải chỉ lập trên hình thức tổ chức, trên ngôn từ mà chính bằng tâm thiền chân thật của chính mình. Chính đó là sức sống, là mạch nguồn để dòng thiền được sống còn.

---o0o---

## II. ĐỐI DIỆN HIỆN TIỀN

Trong bài Phú Cư Trần Lạc Đạo, Trúc Lâm Điều Ngự đã từng thổ lộ:

“Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ năng mấy chủ tri âm. Nguyệt bạc, vừng xanh, soi mọi chỗ thiền hà lai láng”.

Chính ngay chỗ đào hồng trước mắt, ngay liễu lục đang thấy đó, biết rõ ràng mà không mê, không lầm với nó, đó là Thiền rồi chứ gì nữa. Nhưng chỗ này có mấy người thông cảm, cùng hiểu được nhau? Hầu hết chỉ nhớ biết đào

hồng, nhớ biết liễu lục thôi, mà quên hẳn ánh sáng kia, thì làm sao tri âm được?

Đó là chỗ Kinh Lăng Nghiêm nói:”Căn bản Bồ đề Niết bàn tức là cái thức tinh nguyên minh của ông, nó hay sinh ra các duyên mà bị các duyên bỏ sót nó, do vì các duyên bỏ sót nên đành chịu luân hồi, uổng trôi vào các thú”.

Nghĩa là, chính cái biết đang hiện hữu sáng ngời đây, nó hay sanh ra các duyên, tức nó biết, biết cái này, biết cái nọ, biết đào hồng, biết liễu lục..., nhưng tiếc thay, lại bị các duyên bỏ sót nó, đồng hoá nó với các duyên, do đó đành chịu luân hồi, trôi nổi theo các trần, theo đào hồng, theo liễu lục... Vua Trần Thái Tông bảo là:

Lang thang làm khách phong trần mãi  
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.  
Vĩnh vi lăng đăng phong trần khách,  
Nhật viễn gia hương vạn lý trình)

Quả thật, Điều Ngự không dùng lời lẽ văn chương hoa mỹ, mà dùng tiếng nói nô nã, bình dân trong cuộc sống hàng ngày, nhưng ngầm nói lên được ý sâu xa, đó mới là thiền.

Khi thấu suốt chỗ này, thì trăng sáng, bầu trời xanh đều hiển bày tâm thiền sáng ngời ra đó! Trước mắt không còn cái gì che mờ được nữa. Tâm thiền của Ngài quả là sáng ngời tỏ rõ!

Bài kệ cuối Cư Trần Lạc Đạo, Ngài nói:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,  
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên  
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,  
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,  
Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền.  
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,  
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền.

Tâm thiền sáng ngời thể hiện ngay trong cuộc sống hàng ngày, không phải tìm kiếm đâu xa. Đói ăn mệt ngủ nơi mọi sinh hoạt hàng ngày ăn, mặc, ngủ, nghỉ mà làm với tâm hồn nhiên, trong sáng, không sanh tâm theo duyên,

theo cảnh: ăn không sanh tâm ăn, mặc không sanh tâm mặc, chính đó ánh sáng thiền hiện tiền rồi. Đó là cửa báu ngay trong nhà mình, lại phải chạy tìm đâu khác?

---o0o---

### **III. TÂM THÔNG LÀ ĐỐI ĐÃI**

#### **1/ Tâm thông:**

Thiền sư luôn luôn phải suốt được tâm. Tâm thông thì thấy nghe, tiếp vật được sáng tỏ, không ngại.

Có vị Tăng hỏi Điều Ngự:

- Đại Tôn Đức khổ nhọc tu hành, đã trải qua nhiều năm. Đối với sáu thông của Phật, Ngài đã được mấy thông?

Điều Ngự đáp:

- Cũng được sáu thông.

- Năm thông kia xin gác lại, thế nào là tha tâm thông?

- Đây cả quốc độ, có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai đều biết, Như Lai đều thấy.

Tức là tất cả chúng sanh đều vô số, trong đó có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai đều biết hết, thấy hết không sót một tâm nào. Cũng như ngài Lâm tế bảo: "Như có Văn Thù, Phổ Hiền đến, vừa mở miệng: thưa Hoà Thượng, tôi đã sớm biết rồi".

Làm sao biết? Đây là tâm thiền hằng sáng tỏ, nên có điều gì hiện lên đều nhận biết ngay, không lầm. Ông vừa mở miệng là có tâm rồi, mà có tâm đều biết không phải tâm Như Lai. Đó là tâm động niệm, thuộc trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai là tâm sinh diệt. Cho nên chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, nhiều như bụi, cũng biết rõ, đồng một tâm sinh diệt đó thôi, không lầm lẫn.

#### **2/ Lìa đối đãi:**



Tâm thiền của Thiền Sư là trước khi động niệm, trước khi có ngôn ngữ, nên nó liả các phân biệt đối đãi thuộc thức tình sinh diệt. Người còn kẹt trong tình phân biệt đối đãi là còn ở ngoài cửa thiền.

Có vị Tăng hỏi Điều Ngự:

-Thế nào là pháp thân thanh tịnh?

Ngài đáp:

-Chén mạ vàng đựng phân sư tử,  
Người đen đúa vác bó hương thơm.

( Kim tạc lặc trung sư tử thi,  
Thiết côn lôn thượng chá cô ban)

Pháp thân thanh tịnh là chỉ cho thân thiể vô tướng, liả mọi đối đãi, không sinh, không diệt nơi mỗi người. Muốn nhận được pháp thân, phải liả niệm hai bên đối đãi.

Trong câu đáp của Điều Ngự: chén mạ vàng là quý, là sạch; phân sư tử là nhơ, là tiện, người đen đúa là xấu, là nhơ; hương thơm là sạch, là tốt - tức ngay đó quên bật niệm nhơ-sạch, quý - tiện đối đãi, chính đó là pháp thân thanh tịnh chứ gì. Đó là Ngài muốn chỉ thẳng ngay tâm ông đang đối diện đây, không giải thích dài dòng theo sách vở. Pháp thân ấy chính đang ở trong ông thôi. Rõ ràng tâm Ngài đã vượt lên niệm nhơ sạch mới thấy được chỗ đó, và tâm Thiền nơi Ngài phải là sáng ngời luôn hiện tiền mới đáp được nhanh mà sâu sắc như thế

Tâm thiền ấy cũng vượt lên cả hai bên có – không mà người đời luôn mắc kẹt trong đó. Có vị Tăng hỏi Điều Ngự:

-Câu có, câu không như bìm nương cây, khi ấy thế nào?

Điều Ngự bèn nói bài kệ, lược dẫn:

Câu có câu không,  
Bìm khô cây ngã.  
Mấy kẻ nạp tăng,  
U sầu sút trán.

Câu có câu không,  
Tự xưa tự nay

Chấp tay quên trăng  
Đất bằng chết chìm

(Hữu cú vô cú  
Đặng khô thọ đảo  
Kỷ cá nạp tăng  
Chàng đầu khái não.

Hữu cú vô cú,  
Tự cổ tự kim  
Chấp chi vong nguyệt  
Bình địa lục trầm)

Đây là gốc từ câu chuyện Sơ Sơn đến Qui Sơn - Đại An hỏi:

- Được nghe thầy nói “ Câu có câu không như bìm leo cây, chột khi cây ngã bìm khô thì thế nào?

Đại An cười to ha hả. Sơ Sơn thưa:

- Đến từ bốn ngàn dặm mang khăn gói đến đây, sao Hoà thượng lại đùa như thế?

Đại An bảo:

- Thị giả! Hãy lấy tiền trả tiền trả tiền giấy cho Thượng toạ này.

Sơ Sơn thưa:

- Về sau có con rồng một mắt sẽ vì ông nói phá.

Sau này, Sơ Sơn đến Minh Chiêu thuật lại việc trên, Minh Chiêu bảo:

-Quy Sơn đáng nói là đầu chánh đuôi chánh, chỉ là chẳng gặp tri âm.

Sơ Sơn hỏi:

-Cây ngã bìm khô, câu về đâu?

Minh Chiêu đáp:

-Nụ cười Quy Sơn càng thêm tươi.

Sơ Sơn tỉnh ngộ nói:

-Té ra trong nụ cười Qui Sơn có đao.

Minh chiêu vốn chột một mắt, đúng như lời Qui Sơn nói ở trước.

Trong đây, ông tăng dẫn lại ý đó để hỏi. Điều Ngự chỉ ra: câu có câu không là lời nói hai bên, giống như dây sấn, dây bìm cũng bị héo khô theo, lúc đó mình lấy gì để hiểu? Biết bao kẻ học Tăng hiểu thiền không vượt qua được chỗ này, tức bị u đầu đứt trán với nó. Từ xưa đến nay người học cứ bám theo nó, như kẻ chấp ngón tay chỉ cho là trăng thật, có khác nào đang ở trên đất bằng mà chết chìm, thật là đau!

Đây phải là tâm thiền đang hiện hữu sáng ngời vừa có, không liền bị khuất ngay. Cuối cùng đến lúc ra đi, giống như sắp xếp việc hàng ngày. Đúng là một bậc nói được làm được mà hàng con cháu chúng ta sau này phải hết lòng học theo.

---o0o---

#### **IV. TÓM KẾT**

Thiền sư là người ra đi không để lại dấu vết, Trúc Lâm Thiền Tự là bậc Thiền Tổ, thì Ngài ra đi há có dấu vết để lại cho chúng ta nắm bắt sao? Vậy hôm nay chúng ta bàn về Ngài là bàn về cái gì? Tâm Thiền của Ngài có thật ở trong những lời bàn ấy chăng? Sức sống chân thật kia đâu thể đóng khung nó vào trong mấy trang giấy, mấy dòng chữ vô tri này. Do nhu cầu tìm hiểu trong thời tại, chúng tôi phải tạm mượn dấu vết ngôn từ để ngầm chỉ ra một lý lẽ thật nơi Ngài mà không thể quên: Ngài đã đi qua rồi, không còn ở trong dấu vết ấy!

---o0o---

**HẾT**